

NGHỊ ĐỊNH

Về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về kinh doanh, điều kiện kinh doanh và việc cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hoặc liên quan đến kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô là việc sử dụng xe ô tô vận tải **hàng hóa, hành khách nhằm mục đích sinh lời.**

2. Đơn vị kinh doanh vận tải là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

3. *Đơn vị kinh doanh liên vận quốc tế là doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng xe ô tô trên tuyến vận chuyển có điểm đầu hoặc điểm cuối nằm trên lãnh thổ của một quốc gia khác.*

4. *Tuyến cố định là tuyến vận tải hành khách theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền công bố, được xác định bởi bến đi, bến đến (điểm đầu, điểm cuối đối với xe buýt) và các điểm đón, trả khách, trạm dừng, nghỉ trên tuyến (nếu có).*

5. *Trọng tải thiết kế của xe ô tô là số người (bao gồm hành khách, lái xe và nhân viên phục vụ trên xe) hoặc khối lượng hàng hoá tối đa mà xe ô tô đó có thể chở được theo quy định của nhà sản xuất.*

Chương II **KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Điều 4. Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định

1. *Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định do đơn vị vận tải đăng ký và được cơ quan quản lý tuyến chấp thuận.*

2. *Tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh có cự ly từ 300 ki lô mét trở lên phải xuất phát và kết thúc tại bến xe khách từ loại 1 đến loại 4.*

3. *Nội dung quản lý tuyến*

a) *Xây dựng, công bố và thực hiện quy hoạch mạng lưới tuyến;*

b) *Xây dựng và công bố biểu đồ chạy xe trên tuyến, công bố tuyến đưa vào khai thác, chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tần suất chạy xe, chấp thuận ngừng khai thác tuyến ;*

c) *Điều chỉnh tần suất chạy xe: định kỳ hàng năm cơ quan quản lý tuyến xem xét điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến phù hợp với tình hình thực tế; quyết định bổ sung thêm đơn vị kinh doanh vận tải hoạt động trên tuyến khi hệ số sử dụng trọng tải bình quân khi xe xuất bến (tính theo lượng khách lên xe tại hai đầu bến) đạt trên 50%; cho phép đơn vị kinh doanh vận tải đang hoạt động trên tuyến được tăng tần suất chạy xe khi hệ số sử dụng trọng tải bình quân khi xe xuất bến của đơn vị kinh doanh vận tải (tính theo lượng khách lên xe tại hai đầu bến) đạt trên 50%; công bố ngừng khai thác của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc của xe ô tô đang hoạt động trên tuyến;*

d) *Theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động vận tải của các đơn vị kinh doanh vận tải, bến xe trên tuyến; thống kê sản lượng hành khách, dự báo nhu cầu đi lại của hành khách trên tuyến;*

d) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về quản lý hoạt động kinh doanh vận tải trên tuyến theo quy định.

4. Khai thác tuyến

a) Cơ quan quản lý tuyến: thực hiện các nội dung quản lý tuyến quy định tại điểm b, c, d khoản 4 Điều này;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải: được đăng ký khai thác trên tuyến trong quy hoạch mạng lưới tuyến; tổ chức vận tải theo đúng phương án khai thác tuyến đã đăng ký; được đề nghị ngừng khai thác của một số hoặc toàn bộ xe ô tô của đơn vị trên tuyến;

5. Bộ Giao thông vận tải quy định về việc tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô.

Điều 5. Kinh doanh tải hành khách bằng xe buýt

1. Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt được thực hiện trên tuyến cố định, theo biểu đồ chạy xe được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tuyến xe buýt không được vượt quá phạm vi 02 tỉnh liền kề; trường hợp điểm đầu hoặc điểm cuối của tuyến xe buýt thuộc đô thị đặc biệt thì không vượt quá phạm vi 03 tỉnh, thành phố.

3. Tuyến xe buýt có các điểm dừng đón, trả khách. Khoảng cách tối đa giữa 2 điểm dừng đón, trả khách liền kề trong nội thành, nội thị là 700 m, ngoại thành, ngoại thị là 3.000 m.

4. Tần suất chạy xe trên tuyến: giãn cách thời gian tối đa giữa các chuyến xe liền kề là 30 phút đối với các tuyến trong nội thành, nội thị; 45 phút đối với các tuyến khác.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành quy hoạch mạng lưới tuyến, xây dựng và quản lý kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt, công bố tuyến, giá vé, các chính sách ưu đãi của nhà nước về khuyến khích phát triển vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn.

Điều 6. Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi

1. Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có hành trình và lịch trình theo yêu cầu của hành khách; cước tính theo đồng hồ tính tiền căn cứ vào ki lô mét xe lăn bánh, thời gian chờ đợi.

2. Có hộp đèn với chữ "TAXI" gắn **cố định** trên nóc xe; hộp đèn phải được bật sáng khi xe không có khách và tắt khi trên xe có khách.

3. Có thiết bị in hoá đơn kết nối với đồng hồ tính tiền trên xe; lái xe phải in hóa đơn tính tiền và trả cho hành khách.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng quy hoạch phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi; quản lý hoạt động vận tải bằng taxi, xây dựng và quản lý điểm đỗ cho xe taxi trên địa bàn.

Điều 7. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng

1. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng là kinh doanh vận tải *không theo tuyến cố định và được thực hiện theo hợp đồng vận tải bằng văn bản giữa người kinh doanh vận tải và người thuê xe.*

2. *Khi thực hiện vận tải hành khách theo hợp đồng, lái xe phải mang theo hợp đồng vận tải và danh sách hành khách (trừ xe phục vụ đám tang, đám cưới).*

3. *Ngoài hoạt động đón, trả và chuyên chở cấp cứu người bị tai nạn giao thông theo yêu cầu của lực lượng chức năng, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và lái xe không được chở người không có trong danh sách hành khách; không được đón, trả khách ngoài các địa điểm ghi trong hợp đồng.*

4. *Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và lái xe không được bán vé, xác nhận đặt chỗ cho hành khách đi xe dưới mọi hình thức.*

Điều 8. Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô

1. *Kinh doanh vận tải khách du lịch là kinh doanh vận tải không theo tuyến cố định và được thực hiện theo hợp đồng vận tải khách du lịch hoặc hợp đồng lữ hành bằng văn bản giữa người kinh doanh vận tải và người thuê xe.*

2. *Khi thực hiện vận tải khách du lịch, lái xe phải mang theo hợp đồng vận tải khách du lịch hoặc hợp đồng lữ hành (bản chính hoặc bản phô tô có xác nhận của đơn vị kinh doanh du lịch); chương trình du lịch và danh sách hành khách.*

3. *Ngoài hoạt động đón, trả và chuyên chở cấp cứu người bị tai nạn giao thông theo yêu cầu của lực lượng chức năng, đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch và lái xe không được đón thêm khách ngoài danh sách hành khách; không được đón, trả khách ngoài các địa điểm ghi trong hợp đồng.*

4. *Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch và lái xe không được bán vé, xác nhận đặt chỗ cho hành khách đi xe dưới mọi hình thức; không được tổ chức hoạt động vận tải hành khách theo hình thức tuyến cố định.*

5. *Bộ Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch quy định về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp phù hiệu cho xe ô tô vận chuyển khách du lịch.*

Điều 9. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

1. *Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải là việc sử dụng xe ô tô có trọng tải từ 1.500 kg trở xuống để vận chuyển hàng hóa và người thuê vận tải trả tiền cho lái xe theo đồng hồ tính tiền gắn trên xe.*

2. *Kinh doanh vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng*

a) **Kinh doanh vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng là việc sử dụng xe ô tô phù hợp để vận chuyển các loại hàng mà mỗi kiện hàng có kích thước hoặc trọng lượng vượt quá quy định nhưng không thể tháo rời ra được;**

b) Khi vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng lái xe phải mang theo giấy phép sử dụng đường bộ **do cơ quan có thẩm quyền cấp.**

3. Kinh doanh vận tải hàng nguy hiểm là việc sử dụng xe ô tô để vận chuyển hàng hóa có chứa các chất nguy hiểm khi vận chuyển có khả năng gây nguy hại tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, an toàn và an ninh quốc gia. Kinh doanh vận tải hàng nguy hiểm phải có Giấy phép theo quy định của Chính phủ về danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

4. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ là việc sử dụng xe đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc để vận chuyển công-ten-nơ.

5. Kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường là hình thức kinh doanh vận tải hàng hóa ngoài các hình thức kinh doanh vận tải đã nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

Điều 10. Giới hạn trách nhiệm của người kinh doanh vận tải hàng hóa trong việc bồi thường hàng hóa hư hỏng, mất mát, thiếu hụt

1. Việc bồi thường hàng hóa hư hỏng, mất mát, thiếu hụt được thực hiện theo hợp đồng vận tải hoặc theo thỏa thuận giữa người kinh doanh vận tải và người thuê vận tải.

2. Trường hợp trong hợp đồng vận tải không có nội dung quy định về việc bồi thường hàng hóa hư hỏng, mất mát, thiếu hụt do lỗi của người kinh doanh vận tải hàng hóa và hai bên không thỏa thuận được mức bồi thường thì người kinh doanh vận tải hàng hóa bồi thường cho người thuê vận tải theo mức **50.000 (năm mươi nghìn)** đồng Việt Nam cho một ki lô gam hàng hóa bị tổn thất.

Điều 11. Quy định về lái xe kinh doanh vận tải

Lái xe kinh doanh vận tải phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

2. Phải có Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe điều khiển để kinh doanh vận tải bằng ô tô.

3. Phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp: lái xe đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh) và được đơn vị kinh doanh vận tải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định.

4. Phải có chứng nhận khám sức khỏe định kỳ theo quy định của Bộ Y tế.

5. Phải có trình độ học vấn từ trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên.

6. Phải được tập huấn về nghiệp vụ lái xe kinh doanh vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

7. Lái xe điều khiển xe ô tô khách có giường nằm, xe ô tô khách hai tầng phải có ít nhất từ 03 (ba) năm kinh nghiệm tham gia lái xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách trở lên và được tập huấn nghiệp vụ lái xe ô tô khách có giường nằm, xe ô tô khách hai tầng theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

Chương III

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Điều 12. Điều kiện chung kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

Đơn vị doanh vận tải phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Về phương tiện

Bảo đảm số lượng, chất lượng và niên hạn sử dụng của phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh:

a) Trước khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo Phương án kinh doanh đã đăng ký; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của đơn vị, hộ kinh doanh vận tải (đối với xe thuê tài chính của tổ chức cho thuê tài chính, xe thuê của tổ chức có chức năng cho thuê tài sản) theo quy định của pháp luật;

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của xã viên hợp tác xã phải có cam kết kinh tế giữa xã viên và hợp tác xã, trong đó quy định về quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành của hợp tác xã đối với xe ô tô thuộc sở hữu của xã viên hợp tác xã.

b) Còn niên hạn sử dụng theo quy định;

c) Được kiểm định an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường theo quy định;

d) Niêm yết trên xe đầy đủ các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

đ) Phương tiện phải gắn thiết bị giám sát hành trình theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh và các quy định của pháp luật; đối với xe ô tô kinh doanh vận

tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 người trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng hàng ngày đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học);

b) Đơn vị kinh doanh vận tải lập sổ theo dõi hoạt động của lái xe, thống kê theo dõi về việc chấp hành các quy định về vận tải và đảm bảo an toàn của lái xe trong thời gian lao động tại đơn vị mình. Sổ quản lý lái xe tổng hợp thông tin về quá trình lao động của người lái xe, là căn cứ để đơn vị vận tải đánh giá lái xe khi tuyển dụng, thi đua khen thưởng, đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải;

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải thực hiện các quy định theo khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 11 Nghị định này.

4. Người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải của đơn vị vận tải (đảm nhận một trong các chức danh: lãnh đạo đơn vị vận tải; trưởng bộ phận nghiệp vụ điều hành vận tải) phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

a) Có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên;

b) Được tập huấn nghiệp vụ quản lý, điều hành vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

c) Không đồng thời làm việc tại cơ quan, đơn vị khác; không phải là lao động trực tiếp lái xe, nhân viên phục vụ trên xe ô tô kinh doanh của đơn vị.

5. Nơi đỗ xe

a) Đơn vị, hộ kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe (hoặc hợp đồng thuê nơi đỗ xe) phù hợp với phương án kinh doanh;

b) Phải xây dựng và thực hiện phương án đỗ xe bảo đảm các yêu cầu về trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường.

6. Về tổ chức, quản lý

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình xe ô tô phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và bố trí người theo dõi, giám sát hoạt động của phương tiện thông qua thiết bị giám sát hành trình;

b) Đơn vị kinh doanh liên vận quốc tế, vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng taxi, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, vận tải hàng hóa sử dụng xe đầu kéo kéo sơ mi rơ mooc và xe ô tô vận tải hàng hóa có trọng tải từ 10 tấn trở lên, các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách có từ 5 xe ô tô kinh doanh trở lên phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông.

c) Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, kinh doanh vận tải hành khách du lịch, vận tải hành

khách theo hợp đồng phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách;

d) Đơn vị kinh doanh vận tải phải xây dựng và áp dụng quy trình quản lý an toàn giao thông theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; đơn vị kinh doanh liên vận quốc tế, vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng taxi, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, vận tải hàng hóa sử dụng xe đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc và xe ô tô vận tải hàng hóa có trọng tải từ 10 tấn trở lên, các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách có từ 5 xe ô tô kinh doanh trở lên phải có chứng nhận bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động kinh doanh vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

e) Đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện chế độ báo cáo, thống kê theo quy định của Bộ Giao thông vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 13. Thiết bị giám sát hành trình của xe

1. Xe ô tô kinh doanh vận tải quốc tế, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách; xe kinh doanh vận tải công-ten-nơ; xe đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc kinh doanh vận tải hàng hóa, xe taxi và các loại xe ô tô khác kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải từ 10 tấn trở lên phải được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên xe.

2. Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây:

a) Lưu giữ và truyền dẫn được các thông tin: hành trình, tốc độ vận hành, số lần và thời gian dừng đỗ, đóng hoặc mở cửa xe, thời gian lái xe liên tục, thời gian lái xe trong 24 giờ của từng lái xe;

b) Thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải và quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải.

3. Lộ trình lắp đặt thiết bị giám sát hành trình:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách (trừ xe taxi), kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ phải lắp đặt và duy trì tình trạng kỹ thuật tốt của thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đến ngày 01 tháng 01 năm 2015, đơn vị kinh doanh vận tải liên vận quốc tế phải lắp đặt và duy trì tình trạng kỹ thuật tốt của thiết bị giám sát hành trình của xe;

c) Đến ngày 01 tháng 01 năm 2016 đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn trở lên phải lắp đặt và duy trì tình trạng kỹ thuật tốt của thiết bị giám sát hành trình của xe.

Điều 14. Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định

1. Đơn vị vận tải có đủ các điều kiện quy định tại Điều 12 Nghị định này.

2. Xe được thiết kế và bố trí chỗ ngồi ưu tiên cho người khuyết tật, người già và những người cần được hỗ trợ phục vụ trong quá trình vận chuyển.

3 Xe có trọng tải thiết kế từ 10 người trở lên và có niên hạn sử dụng không quá quy định sau:

a) Cự ly trên 300 ki lô mét: không quá 15 năm đối với ô tô sản xuất để chở khách;

b) Cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống: không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở khách; không quá 17 năm đối với ô tô chuyên đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành ô tô chở khách.

4. Đơn vị vận tải hành khách theo tuyến cố định liên tỉnh phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) *Đơn vị có trụ sở đặt tại địa bàn hành chính thuộc danh mục vùng cao, miền núi theo quy định của Chính phủ: từ 05 xe trở lên;*

b) *Đơn vị có trụ sở đặt tại các địa bàn hành chính còn lại: từ 10 xe trở lên;*

Điều 15. Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Đơn vị vận tải có đủ các điều kiện quy định tại **Điều 12 và khoản 2 Điều 14** của Nghị định này.

2. Xe buýt phải có sức chứa từ 17 chỗ ngồi trở lên, có diện tích sàn xe dành cho khách đứng và được thiết kế theo quy chuẩn do Bộ Giao thông vận tải quy định.

3. Xe có niên hạn sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 **Điều 14** Nghị định này; có màu sơn đặc trưng được đăng ký với cơ quan quản lý tuyến.

4. Xe buýt hoạt động trên các tuyến có cự ly trên 60km phải bố trí ghế đảm bảo số lượng chỗ ngồi tối thiểu là 50% trọng tải thiết kế của xe.

5. Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có số lượng phương tiện tối thiểu theo quy định tại khoản 3, Điều 14 Nghị định này.

Điều 16. Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi

1. Đơn vị vận tải có đủ các điều kiện quy định tại **Điều 12** Nghị định này (trừ Điểm c Khoản 3 Điều 12).

2. Xe taxi phải có sức chứa từ 09 chỗ ngồi trở xuống (kể cả người lái xe).

3. Xe có niên hạn sử dụng không quá 12 năm.

4. Trên xe có gắn đồng hồ tính tiền theo ki-lô-mét lăn bánh và thời gian chờ đợi, được cơ quan có thẩm quyền về đo lường kiểm định và kẹp chì.

5. Đơn vị vận tải taxi phải đăng ký và thực hiện sơn biểu trưng (logo) (không trùng với biểu trưng đã đăng ký của đơn vị vận tải trước đó) và số điện thoại giao dịch cho các xe thuộc đơn vị

Đối với các thành phố trực thuộc Trung ương có quy định màu sơn cho xe taxi thì đơn vị vận tải phải đăng ký màu sơn và thực hiện theo quy định của thành phố.

6. Đơn vị vận tải taxi phải có trung tâm điều hành, đăng ký tần số liên lạc và có thiết bị liên lạc giữa trung tâm với các xe.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định số lượng xe taxi tối thiểu mà mỗi đơn vị phải có (nhưng không được dưới 10 xe) khi kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn.

Điều 17. Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và vận tải hành khách để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị

1. Đơn vị kinh doanh vận tải có đủ các điều kiện quy định tại Điều 12 Nghị định này.

2. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch có trọng tải thiết kế từ 10 hành khách trở lên.

3. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định này. Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm; xe ô tô chuyển đổi công năng không được vận tải khách du lịch.

4. Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô ngoài các điều kiện quy định tại Nghị định này còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan về du lịch.

Điều 18. Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa

1. Đơn vị kinh doanh vận tải bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc, xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn trở lên phải có đủ các điều kiện quy định tại Điều 12 Nghị định này (trừ Điểm c Khoản 3 Điều 12).

2. Đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đơn vị có trụ sở đặt tại địa bàn hành chính thuộc danh mục vùng cao, miền núi theo quy định của Chính phủ: từ 03 (ba) xe trở lên;

b) Đơn vị có trụ sở đặt tại các địa bàn hành chính còn lại: từ 05 (năm) xe trở lên.

Điều 19. Điều kiện kinh doanh liên vận quốc tế

1. Đơn vị kinh doanh liên vận quốc tế phải đồng thời có đầy đủ các quy định tại Điều 12 và Khoản 2, Khoản 3 Điều 13 Nghị định này và các quy định tại các Điều ước quốc tế về vận tải đường bộ có liên quan mà Việt Nam tham gia ký kết.

2. Điểm đầu hoặc điểm cuối của tuyến vận tải hành khách cố định quốc tế trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là bến xe khách từ loại 1 đến loại 4.

Chương IV

CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Điều 20. Đối tượng cấp và nội dung Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

1. Đối tượng cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (Giấy phép): đơn vị kinh doanh vận tải hành khách, đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa ***bằng xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn trở lên, xe đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc, xe công-ten-nơ.***

2. Nội dung Giấy phép gồm:

- a) Tên và địa chỉ đơn vị kinh doanh;
- b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp, ***mã ngành về vận tải***);
- c) Người đại diện hợp pháp;
- d) Các hình thức kinh doanh;
- đ) Thời hạn có hiệu lực của Giấy phép;
- e) Cơ quan cấp phép.

3. Giấy phép có giá trị 07 (bảy) năm.

4. Xe kinh doanh vận tải hành khách, xe kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải từ 10 tấn trở lên, xe đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc, xe chở công-ten-nơ phải được gắn phù hiệu hoặc biển hiệu.

5. Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép; mẫu Giấy phép; mẫu và thời hạn có giá trị của phù hiệu, biển hiệu và các quy định về quản lý phù hiệu, biển hiệu.

Điều 21. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép (hoặc giấy đề nghị thay đổi nội dung Giấy phép) theo mẫu do Bộ Giao thông vận tải quy định.

*2. Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh **hoặc Giấy chứng nhận tương đương.***

3. Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải (trừ hộ kinh doanh vận tải).

4. *Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.*

5. *Đơn vị kinh doanh vận tải liên vận quốc tế, vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, taxi; đơn vị kinh doanh vận tải hành khách khác có số lượng phương tiện từ 5 xe trở lên; đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc và xe ô tô vận tải hàng hóa có trọng tải từ 10 tấn trở lên ngoài các quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 21 Nghị định này còn phải có thêm: Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông.*

Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, kinh doanh vận tải hành khách du lịch, vận tải hành khách theo hợp đồng phải bổ sung thêm bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải theo tiêu chuẩn của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 22. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép

1. *Đơn vị, hộ kinh doanh vận tải nộp (02) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến cơ quan cấp Giấy phép theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan cấp Giấy phép.*

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị, hộ kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép thẩm định hồ sơ, **kiểm tra thực tế** và cấp Giấy phép. Trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp có thay đổi về điều kiện kinh doanh liên quan đến nội dung trong Giấy phép, đơn vị, hộ kinh doanh nộp hồ sơ về sự thay đổi đó để được cấp lại Giấy phép.

Điều 23. Thu hồi, tước quyền sử dụng Giấy phép

1. Đơn vị, hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy phép khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

- a) *Có ý cung cấp thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;*
- b) *Không kinh doanh vận tải trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép hoặc ngừng kinh doanh vận tải trong thời gian 06 tháng liên tục;*
- c) *Kinh doanh loại hình vận tải không đúng theo Giấy phép;*
- d) *Bị tước Giấy phép nhưng khi hết thời hạn tước Giấy phép vẫn không khắc phục được các vi phạm là nguyên nhân bị tước Giấy phép;*
- đ) *Trong một năm có 3 lần bị tước giấy phép có thời hạn;*
- e) *Phá sản, giải thể.*

2. Đơn vị, hộ kinh doanh bị tước quyền sử dụng Giấy phép khi vi phạm nghiêm trọng các quy định về quản lý kinh doanh vận tải đường bộ. Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về việc tước quyền sử dụng Giấy phép.

4. Cơ quan cấp Giấy phép được thu hồi, tước quyền sử dụng Giấy phép do cơ quan mình cấp và thực hiện theo trình tự:

a) Ban hành quyết định thu hồi hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép;

b) Báo cáo Tổng cục Đường bộ Việt Nam, UBND cấp tỉnh và thông báo quyết định thu hồi hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh vận tải đến các cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện;

c) Khi cơ quan cấp Giấy phép ban hành quyết định thu hồi hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy phép đã được cấp của đơn vị, hộ kinh doanh vận tải sẽ không còn hiệu lực, đơn vị, hộ kinh doanh phải nộp lại Giấy phép cho cơ quan cấp Giấy phép **ngay khi quyết định có hiệu lực.**

Chương V

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 24. Bộ Giao thông vận tải

1. Thống nhất quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô quy định tại Nghị định này.

2. Ban hành quy định về tính năng kỹ thuật, quy định về quản lý, khai thác sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình và **tổ chức thực hiện việc kiểm định thiết bị** giám sát hành trình của xe.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện Quy trình quản lý an toàn giao thông trong hoạt động kinh doanh vận tải; ban hành và hướng dẫn thực hiện Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách; ban hành chương trình tập huấn nghiệp vụ quản lý, điều hành vận tải bằng xe ô tô, nghiệp vụ lái xe kinh doanh vận tải, nghiệp vụ điều khiển xe ô tô chở khách có giường nằm, xe hai tầng.

4. Ban hành quy định về chế độ báo cáo, thống kê của đơn vị kinh doanh vận tải; quy định về phân loại đơn vị kinh doanh vận tải và phạm vi hoạt động tương ứng với từng loại đơn vị kinh doanh vận tải.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định tại Nghị định này.

6. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật khác liên quan.

Điều 25. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc thực hiện cước, phí, lệ phí có liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Điều 26. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn quản lý hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác liên quan.

Điều 27. Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định về tính năng kỹ thuật đối với thiết bị giám sát hành trình của xe.

2. Tổ chức thực hiện việc kiểm định đồng hồ tính tiền trên xe taxi.

Điều 28. Bộ Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn quản lý việc sử dụng tần số vô tuyến điện và sóng thiết bị giám sát hành trình của xe.

Điều 29. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương thực hiện việc quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Quy định mức, thu, sử dụng lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và cước, phí, lệ phí khác có liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật khác liên quan trên địa bàn địa phương.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Chế độ kiểm tra, báo cáo thực hiện điều kiện kinh doanh của đơn vị kinh doanh

1. Đơn vị, hộ kinh doanh vận tải chịu sự kiểm tra về việc chấp hành các quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hình thức kiểm tra:

a) Kiểm tra định kỳ hàng năm;

b) Kiểm tra đột xuất khi có khiếu nại, tố cáo, khi để xảy ra tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu về việc không thực hiện đầy đủ các quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện kinh doanh của đơn vị, ***hộ kinh doanh vận tải***.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2014 và thay thế Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và Nghị định số 93/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

2. Các đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn trở lên, xe đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc phải hoàn tất các thủ tục để được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải trước ngày 01 tháng 06 năm 2015.

Điều 32. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng